

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2019/DS-PT
Ngày: 16 – 4 – 2019
Về việc tranh chấp về thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thúy Liên;
Bà Hồ Tuấn Anh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2019/TLPT-DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2018/DS-ST ngày 21 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lý Thị T, sinh năm 1953; cư trú tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đường S, sinh năm 1970; cư trú tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1974. (Có mặt)
2. Anh Nguyễn Quyền D, sinh năm 1976. (Vắng mặt)
3. Anh Nguyễn Thái H1, sinh năm 1979. (Vắng mặt)
4. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Cùng cư trú tại: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

5. Anh Nguyễn Thái H, sinh năm 1983; cư trú tại tổ 166, khu vực K, phường H, Quận L, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

6. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1947; cư trú tại thôn M, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

7. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942; cư trú tại thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

8. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955; cư trú tại thôn M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lý Thị T là nguyên đơn; anh Nguyễn Đường S là bị đơn; ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Lý Thị T, trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Văn K chết ngày 10/5/2016 có 05 người con: Anh Nguyễn Đường S, anh Nguyễn Quyền D, anh Nguyễn Thái H, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thái H. Vợ chồng bà không có con riêng, con nuôi nào khác, cha mẹ chồng chết trước giải phóng năm 1975.

Về tài sản của vợ chồng bà T có 05 thửa đất gồm thửa số 960, diện tích 1.022,6m²; thửa số 1450, diện tích 646m²; thửa số 979, diện tích 264,6m²; thửa số 983, diện tích 146,9m²; thửa số 982, diện tích 79,7m²; đều tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện T,

Đối với nhà đất mà anh S đang ở thờ cúng có nguồn gốc là cha mẹ chồng bà khi còn sống đã cho vợ chồng bà, chỉ cho miệng, từ đó vợ chồng sống ở đến nay. Sau khi cha chồng bà mất vợ chồng bà sửa chữa và xây mới căn nhà bên cạnh, đến lúc bà đau ốm mới nói anh S về ở đót nhang chứ không cho vợ chồng anh S, do đó bà xác định nhà mà anh S đang ở là của vợ chồng bà, vì vậy bà yêu cầu anh S trả nhà đất để chia thừa kế. Hiện nay anh S cho rằng nếu chia thừa kế thì xin ở nhà máy gạo thì bà không đồng ý, vì nhà máy gạo xây chẵn trước mặt nhà thờ nên các em của anh S sẽ nhận nhà và thôi lại phần xây dựng cho anh S.

Phần đất trồng cỏ thuộc thửa 1450, không phải là đất 5% mà là đất vườn cùng một thửa với nhà từ đường nên bà không đồng ý chia theo yêu cầu của anh S. Đất vườn nhà bà rộng nhưng không trừ vào đất vườn thừa, mà mỗi nhân khẩu trong hộ của gia đình tôi vẫn nhận đủ mỗi người một suất một sào ruộng.

Trường hợp chia thừa kế thì bà xin nhận thừa đất số 1450, diện tích 646m², thửa số 979, diện tích 264,6m² phần ruộng thì bà nhận đám ở Gà cùng với các con bà nên không yêu cầu chia, phần còn lại bà giao cho các con bà Thừ anh S.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử bị đơn anh Nguyễn Đường S có bản khai và tại phiên tòa anh, trình bày:

Cha mẹ anh là ông Nguyễn Văn K chết ngày 10/5/2016 và bà Lý Thị T. Cha mẹ anh sinh được năm anh em gồm: Anh là con trai trưởng; anh Nguyễn Quyền D; anh Nguyễn Thái H; anh Nguyễn Thái H; chị Nguyễn Thị L

Ông nội Nguyễn H chết năm 1978, bà nội Lê Thị H chết trước năm 1975 có người con: ông Nguyễn Văn K, bà Nguyễn Thị H; bà Nguyễn Thị T; ông Nguyễn Văn C.

Ông bà nội chết để lại căn nhà từ đường, xây dựng trên thửa đất 960, diện tích 1.022,6m² và một thửa đất số 1450, diện tích 646m². Vì cha anh là con trai trưởng và ở thôn Lnên ông bà nội cho nhà đất cho cha anh trực tiếp quản lý sử dụng. Hiện nay nhà từ đường và thửa đất ông bà nội để lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Riêng cha mẹ anh có tạo lập hai thửa đất gồm: Một thửa 979, diện tích 264,6m² và một thửa được tách làm hai gồm thửa 982, thửa 983. Đến năm 1992 anh cưới chị Lê Thị H, vợ chồng vẫn chung sống với cha mẹ, đến năm 1994 vợ chồng ở nhà mẫu giáo trong ba tháng hè để xây nhà tranh trên đất từ đường ông bà để lại. Đến năm 2000 cha mẹ anh cho vợ chồng anh một phần thửa đất mà cha mẹ mua của bà T, hiện nay là thửa 982, diện tích 79,7m² để vợ chồng xây nhà ở riêng. Đến năm 2002 vợ chồng anh xây nhà còn thiếu tiền có mượn cha mẹ anh một lượng vàng và 15.000.000 đồng, sau đó vợ chồng đã làm ăn, trả xong nợ. Trong thời gian này cha anh vẫn ở nhà từ đường của ông bà nội để lại, còn mẹ anh thì ở với em trai trên đất của cha mẹ mua. Đến năm 2010 vì tuổi cao, sức yếu nên cha mẹ anh mới bảo vợ chồng anh về nhận lãnh nhà từ đường của ông bà nội để lại để thờ cúng ông bà vì anh là con trai trưởng (đích tôn). Khi nhận nhà từ đường đã hư hỏng nên vợ chồng anh đã tu sửa toàn bộ mái, trần, lát gạch, quét vôi, sửa hiên sau phòng thờ, xây dựng tường rào bao quanh, cổng ngõ khang trang, nâng nền xung quanh vườn. Trong khu đất này cha mẹ anh chia làm hai phần, ½ giao cho vợ chồng anh, ½ chia cho hai em trai út và gái út. Hiện nay đã chia ranh giới rõ ràng, không ai xâm phạm đến ai.

Nhà mặt đường diện tích 81m² cha mẹ cho vợ chồng anh nên anh không đồng ý chia. Trường hợp chia đều thì anh sẽ trả lại giá trị đất khi chia đều theo pháp luật nếu anh hưởng bao nhiêu còn lại anh sẽ trả lại theo pháp luật. Nhà từ

đường cha mẹ đã cho vợ chồng anh nên anh không đồng ý chia, trường hợp Tòa chia thì anh nhận bằng hiện vật là nhà máy gạo mà vợ chồng anh đã xây, với điều kiện trừ công sức tôn tạo nâng nền, sửa chữa. Thửa đất 1450 là có nguồn gốc đất 5%, anh yêu cầu được chia theo pháp luật, anh sẽ nhận bằng hiện vật. Các thửa đất còn lại anh yêu cầu chia theo pháp luật, tính bằng giá trị nếu anh có phần thì anh sẽ nhận.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H, trình bày:

Chị là vợ anh S, nên thống nhất theo ý kiến của anh S.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H đồng trình bày:

Thống nhất như lời khai của anh S về quan hệ gia đình và nguồn gốc đất. Nay bà Lý Thị T yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà và diện tích đất này là không đúng đạo lý và trái pháp luật. Nay bà Thống nhất giao cho vợ chồng cháu S thừa kế để làm nhà từ đường thờ cúng ông bà cha mẹ bà, bà không tranh chấp cũng không yêu cầu chia thừa kế.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T ủy quyền cho Lý Thị T, trình bày:

Thống nhất như lời khai của anh S về quan hệ gia đình và nguồn gốc đất. Nay bà Lý Thị T yêu cầu chia thừa kế ngôi nhà và diện tích đất này là không đúng đạo lý và trái pháp luật. Nay bà T thống nhất giao cho anh Nguyễn Thái H; anh Nguyễn Quyền D; anh Nguyễn Thái H và chị Nguyễn Thị L.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thái H; anh Nguyễn Quyền D; anh Nguyễn Thái H và chị Nguyễn Thị L ủy quyền cho bà Lý Thị T, trình bày:

Về quan hệ gia đình thống nhất như lời trình bày của bà T. Anh chị đều là con ông Kchết năm 2016 và bà T. Về di sản mà cha mẹ anh thừa hưởng và tạo lập để lại gồm năm thửa nhà đất cụ thể: Thửa đất 960, tờ bản đồ số 17, diện tích 1022,6m² nhà đất có nguồn gốc từ ông bà nội cho cha mẹ ở từ trước năm 1975, từ đó cha mẹ kê khai đăng ký đứng tên. Khi ở đó, ngoài nhà của ông bà nội cho, cha mẹ còn xây dựng nhà gác lửng. Đến năm 2014 mẹ bị bệnh đi mổ nên nói anh trai là anh S về đốt nhang thờ cúng ông bà, mẹ đưa tiền, nên vợ chồng anh S đã dọn từ đến nhà từ đường để ở từ năm 2014. Khi đó mẹ đi mổ sợ chết nên bà chỉ nói miệng

cho Sơn một phần còn phần còn lại cho con gái út là chị Linh và con trai anh Hoàng nên đến năm 2015 thì anh S không cho anh em vào nhà vì nói cha mẹ đã cho rồi nên không có quyền cho hai em.

Nay mẹ các anh chị yêu cầu chia thừa kế thì các anh chị đều đồng ý chia theo pháp luật. Trường hợp chia nhà đất thuộc thửa 960 thì anh em thống nhất nhận nhưng giao cho anh D đứng ra nhận, quản lý toàn bộ nhà đất từ đường. Phần anh S xây dựng, sửa chữa trên nhà đất thì các anh em cùng chịu chịu trách nhiệm thôi cho anh S.

Bản án dân sự sơ thẩm số 168/2018/DS-ST ngày 21/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phước, quyết định:

Xác định Thửa đất 960, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.022,6m²; thửa đất số 1450, tờ bản đồ 17, diện tích 732,9m²; thửa số 979, tờ bản đồ 17, diện tích 264,6m²; thửa số 983, diện tích 144,4m², thửa đất 982, diện tích 81m² đều tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định là tài sản chung của bà T, ông K.

Chia tài sản chung của bà T, ông K thành hai phần bằng nhau, ½ di sản của ông K được chia cho các đồng thừa kế, trong đó có tính thêm một kỷ phần đối với phần công sức quản lý nhà đất thuộc thửa đất 960 và thửa đất 1450 cho anh S.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của ông K gồm: Bà T; anh S; anh D; anh H1; anh H; chị L.

Bà T được quyền sử dụng, sở hữu: Thửa đất số 1450, tờ bản đồ 17, diện tích 732,9m² và thửa số 979, tờ bản đồ 17, diện tích 264,6m² tọa lạc thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Anh D sử dụng đất thuộc thửa số 983, diện tích 144,4m² gắn liền với tài sản trên đất, tọa lạc thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Anh S, chị H được quyền sử dụng sở hữu nhà đất thuộc thửa đất 982, diện tích 81m² và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất, tọa lạc thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

Đối với thửa đất 960 tách 5m x 8m từ công tính vào làm lối đi chung, thuộc quyền sử dụng chung của anh S, anh D, chị L, anh H1 và anh H.

Anh S diện tích 245m² đất có kích thước 32,3m x 7,58m, thuộc thửa đất 960, tờ bản đồ số 17 tọa lạc thôn L, xã P, huyện T, Bình Định.

Giao nhà thờ, nhà gác lờ, nhà máy gạo và các chuồng, tường rào, tài sản khác trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 960 phần diện tích còn lại có diện tích 777,6m², tọa lạc thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định cho anh D, chị L, anh H1 và anh H đồng sử dụng và sở hữu chung do anh D đại diện nhận.

Anh D, anh H1, anh H, chị L cùng có nghĩa vụ thôi lại cho vợ chồng anh S 69.310.000 đồng.

Bác lời nại của anh S về việc không đồng ý chia di sản và yêu cầu xin nhận nhà máy gạo.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05/12/2018 bà T kháng cáo yêu cầu định giá lại phần tài sản trên thửa đất số 960, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.022,6m² và xem xét phần chia thừa kế cho anh S là không phù hợp.

Ngày 05/12/2018 Anh S kháng cáo không chấp nhận bản án sơ thẩm.

Ngày 09/12/2018 ông C kháng cáo không chấp nhận chia di sản thừa đất số 960, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.022,6m² là của cha mẹ.

Ngày 09/12/2018 bà H kháng cáo không chấp nhận chia di sản thừa đất số 960, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.022,6m² là của cha mẹ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà T; anh S; ông C; bà H sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm bà T, bà T, ông C, bà H, anh S đều thống nhất:

[1.1] Cụ Nguyễn H chết năm 1978 vợ cụ Lê Thị H chết trước năm 1975 có 4 người con là ông K, bà H, bà T, ông C. Di sản để lại nhà gắn liền thửa đất 960, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.022,6m², tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Cụ H, cụ H1 chết không có để lại di chúc.

[1.2] Phân chia di sản của cụ H, cụ H1: Phần của ông K chết 2006 chia thừa kế cho hàng thừa kế thứ nhất của ông K, riêng bà T được nhận thừa kế của ông K bà giao cho anh D, chị L, anh H1, anh H được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà; phần của ông C, bà H giao cho anh Quản lý sử dụng; phần của bà T giao cho anh D, chị L, anh H1, anh H được quyền sử dụng đất và sở hữu nhà.

[1.3] Như vậy, thửa đất 960, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.022,6m² sau khi trừ 40m² làm lối đi chung của ông C, bà H, anh S, anh D, chị L, anh H1 và anh H thì phần ông C, bà H, anh S được nhận thừa kế là 532,1m² nhưng giao cho anh S sử dụng; còn anh D, chị L, anh H1 và anh H được nhận thừa kế là 450,5m².

[1.4] Bà T yêu cầu chia phần đất có nhà cho anh D, chị L, anh H1 và anh H, còn ông C, bà H, anh S yêu cầu chia phần đất có nhà cho anh S. Thấy rằng: Hiện nay anh S là người đang quản lý sử dụng, đã xây dựng nhà máy gạo và một số công trình phụ khác, đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nên để đảm bảo giá trị sử dụng tài sản có trên đất hiện nay anh S đã xây dựng thêm, sửa chữa đang sử dụng và tiếp giáp phần đất bà T đang quản lý sử dụng nên được hiện vật cụ thể như sau: Diện tích 40m² thuộc thửa 960, tờ bản đồ số 17 đường đi chung của ông C, bà H, anh S, anh D, chị L, anh H1, anh H; chia cho anh D, chị L, anh H1, anh H được quyền sử dụng 408.9m² đất (trong đó 114.6m² đất ở, 294,3m² đất vườn), thuộc thửa 960, tờ bản đồ số 17, tọa lạc thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; chia cho ông C, bà H, anh S được quyền sở hữu nhà, nhà gác lửng, nhà máy gạo và các chuồng, tường rào, tài sản khác trên đất gắn liền với quyền sử dụng 573,6m² (trong đó 135,4m² đất ở, 438,2m² đất vườn), thuộc thửa 960, tờ bản đồ số 17, tọa lạc thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định.

[1.5] Do đó, anh S người được giao quản lý sử dụng tự nguyện phải thanh toán cho anh D, chị L, anh H1, anh H giá trị đất, nhà cũ, nhà gác lửng, phần chênh lệch tài sản được nhận là 18.637.709đ {giá trị đất vườn 1.369.500đ (41,5m² x 33.000đ) + nhà cụ H, cụ H1 xây dựng 14.057.875đ (25.953.000đ : 4 = 6.488.250đ : 6 = 1.081.375đ x 5 = 5.406.875đ + 6.488.250đ = 11.895.125đ - 25.953.000đ) + nhà gác lửng ông K, bà T xây dựng 13.680.334đ (14.924.000đ : 2 = 7.462.000đ : 6 = 1.234.666đ - 14.924.000đ) – hàng rào anh S xây dựng 10.470.000đ}.

[2] Án sơ thẩm xác định thửa số 983, tờ bản đồ 17, diện tích 144,4m² đất ở và thửa đất 982, tờ bản đồ 17, diện tích 81m² đất ở, tọa lạc thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định tài chung của ông K, bà T là không đúng quy định pháp luật. Bởi lẽ: Hai thửa đất này được tách ra từ một thửa, từ năm 2001 ông K, bà T đã cho vợ chồng anh S, anh D xây dựng nhà ở thành khuôn viên độc lập và anh S đã kê khai hồ sơ địa chính, như vậy việc cho đã hoàn thành nên không còn là tài sản của ông K, bà T nên sửa án sơ thẩm về phần này.

[3] Án sơ thẩm xác định thửa đất số 1450, tờ bản đồ 17, diện tích 732,9m² (trong đó 250m² đất ở, 232,9m² đất vườn) và thửa số 979, tờ bản đồ 17, diện tích 264,6m² đất ở và tài sản gắn liền với đất là tài chung của ông K, bà T đã chia thừa kế phần di sản của ông K là có căn cứ đúng quy định pháp luật; giao cho bà T được quyền sử dụng hai thửa đất này và sở hữu tài sản gắn liền, lẽ ra bà T phải thối lại giá trị tài nhận thừa kế cho các con của bà nhưng các con bà T đều thống nhất giao phần di sản của ông K cho bà T được quyền sử dụng, sở hữu không nhận thừa kế nên bà T không phải có nghĩa vụ thối lại giá trị tài sản được nhận cho các con.

[4] Tòa đã chi phí xem xét tại chỗ và giám định 13.070.000đ theo quy định Điều 158, 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì bà T, anh D, anh S, chị L, anh H1, anh H, ông C, bà H mỗi người phải chịu 1.633.750đ. Bà T đã nộp 11.070.000đ, anh S nộp 2.000.000đ nên anh D, chị L, anh H1, H phải hoàn lại cho bà T 6.535.000đ; ông C, bà H, anh S phải hoàn lại cho bà T 2.901.250đ nhưng anh S tự nguyện chịu.

[5] Theo quy định khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì bà T phải chịu 19.980.700 đồng; anh D, chị L, anh H1, H phải chịu 8.484.600 đồng; anh S, ông C, bà H phải chịu 10.092.300 đồng nhưng anh S tự nguyện nộp.

[6] Do sửa bản án sơ thẩm nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì bà T, anh S, ông C, bà H không phải án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà T, anh S, ông C, bà H sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 15 Luật Hôn nhân gia đình năm 1959; các Điều 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lý Thị T, anh Nguyễn Đường S, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị H sửa bản án sơ thẩm.

1. Thừa đất số 960, tờ bản đồ số 17, diện tích 1.022,6m², tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định được phân chia như sau (có sơ đồ kèm theo).

1.1. Phần diện tích 40m² được sử dụng đường đi chung của ông C, bà H, anh S, anh D, chị L, anh H1 và anh H.

1.2. Anh Nguyễn Đường S phải có nghĩa vụ giao cho anh Nguyễn Quyền D, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thái H1, anh Nguyễn Thái H được quyền quản lý, sử dụng 408,9m² đất (trong đó 114,6m² đất ở, 294,3m² đất vườn) và sở hữu tài sản gắn liền với đất.

1.3. Anh Nguyễn Đường S được quyền quản lý, sử dụng 573,6m² đất (trong đó 135,4m² đất ở, 438,2m² đất vườn) và nhà cụ H, cụ H1 xây dựng, nhà gác lờ gắn liền với đất.

1.4. Anh Nguyễn Đường S phải thanh toán cho anh Nguyễn Quyền D, chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Thái H1, anh Nguyễn Thái H 18.637.709 đồng (Mười tám triệu sáu trăm ba mươi bảy nghìn bảy trăm không chín đồng).

2. Bà Lý Thị T được quyền sử dụng 732,9m² đất (trong đó 250m² đất ở, 232,9m² đất vườn), thửa số 1450, tờ bản đồ 17, có giới cận: Đông giáp Đường đi, Tây giáp đất trường mẫu giáo, Nam giáp thửa 960, Bắc giáp nương thủy lợi và 264,6m² đất ở, thửa số 979, tờ bản đồ 17, sở hữu tài sản gắn liền với đất có giới cận: Đông giáp đường đi, tây giáp đất ông T, Nam giáp nhà ông Đỗ Thành T, Bắc giáp nhà ông Lê Thanh B, tọa lạc tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (có sơ đồ kèm theo).

3. Về án phí, chi phí xem xét tại chỗ và định giá:

3.1. Bà Lý Thị T phải chịu 19.980.700 đồng (Mười chín triệu chín trăm tám mươi nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được khấu trừ 10.000.000 đồng tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006979 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, Bà T còn phải nộp 9.980.700 đồng (Chín triệu chín trăm tám mươi nghìn bảy trăm đồng).

3.2. Anh Nguyễn Quyền D, anh Nguyễn Thái H1, anh Nguyễn Thái H, chị Nguyễn Thị L phải chịu 8.484.600 đồng (Tám triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Anh Nguyễn Đường S phải chịu 10.092.300 đồng (Mười triệu không trăm chín mươi hai nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3.4. Bà Lý Thị T được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002660 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3.5. Ông Nguyễn Văn C được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002691 ngày 13/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3.6. Bà Nguyễn Thị H được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002718 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3.7. Anh Nguyễn Đường S được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002655 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

3.8. Anh Nguyễn Đường S hoàn lại cho bà Lý Thị T 2.901.250 đồng (Hai triệu chín trăm không một nghìn hai trăm năm mươi đồng) chi phí xem xét tại chỗ và định giá.

3.9. Anh Nguyễn Quyền D, anh Nguyễn Thái H1, anh Nguyễn Thái H, chị Nguyễn Thị L hoàn lại cho bà Lý Thị T 6.535.000 đồng (Sáu triệu năm trăm ba mươi năm nghìn đồng) chi phí xem xét tại chỗ và định giá.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thường